

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT  
Ngày: 18- 02-2019  
V/v tranh chấp dân sự nợ hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Phước Hội

***Các Thẩm phán:*** Ông Huỳnh Thanh Tấn  
Ông Nguyễn Văn Vững

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 09 tháng 01 và ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 218/2018/TLPT- DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp dân sự nợ hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Nguyễn Văn U (U G), sinh năm 1949; (Có mặt)

Địa chỉ: Tô 9, ấp 1, xã Mỹ H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

***2. Bị đơn:*** Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Lê Văn Ph, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:*

+ Chị Nguyễn Ngọc P là bị đơn;

+ Anh Lê Văn Ph là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông có tham gia chơi 13 dây hụi, có 221 người cùng chơi hụi do bà Nguyễn Ngọc P làm đầu thảo. Cụ thể:

+ Dây hụi thứ 1 khai lần đầu ngày 15/5/2015 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 19 lần.

+ Dây hụi thứ 2 khai lần đầu ngày 16/11/2015 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 13 lần.

+ Dây hụi thứ 3 khai lần đầu ngày 07/02/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 17 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 10 lần.

+ Dây hụi thứ 4 khai lần đầu ngày 18/02/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 10 lần.

+ Dây hụi thứ 5 khai lần đầu ngày 13/5/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 19 lần.

+ Dây hụi thứ 6 khai lần đầu ngày 12/7/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 5 lần.

+ Dây hụi thứ 7 khai lần đầu ngày 04/8/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 4 lần.

+ Dây hụi thứ 8 khai lần đầu ngày 15/8/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 4 lần.

+ Dây hụi thứ 9 khai lần đầu ngày 17/8/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 4 lần.

+ Dây hụi thứ 10 khai lần đầu ngày 20/9/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 3 lần.

+ Dây hụi thứ 11 khai lần đầu ngày 14/10/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 02 lần.

+ Dây hụi thứ 12 khai lần đầu ngày 09/11/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 01 lần.

+ Dây hụi thứ 13 khai lần đầu ngày 13/11/2016 âm lịch, hụi 4.000.000đ gồm 20 phần, ông tham gia một phần và đã đóng được 01 lần.

Tổng cộng ông U đã đóng được 95 lần cho bà P với số tiền là 320.815.000đ, số tiền này chưa bao gồm phần tiền phát sinh trong hụi mà là số tiền thực đóng cho bà P nhưng nay các dây hụi này bị ngưng, ông U đã nhiều lần tới nhà của bà P để đòi lại số tiền trên nhưng bà P cứ hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa trả.

Nay ông yêu cầu bà P và chồng là ông Lê Văn Ph liên đới trả cho ông số tiền là 320.815.000đ và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, từ ngày 24/3/2017 đến khi kết thúc vụ kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày: Bà thừa nhận có tổ chức các dây hụi do bà làm đầu thảo như ông U trình bày. Việc bà tổ chức chơi hụi thì không có cho ông Ph biết. Ông U đóng hụi cho bà số tiền tổng cộng là 320.815.000đ, số tiền hoa hồng trong các dây hụi này bà đã sử dụng vào việc đóng lãi cho ông U đối với số tiền vợ chồng bà vay của ông U 330.000.000đ (phần tiền vay này đã giải quyết theo bản án sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án huyện C và bản án phúc thẩm số 243/2017/DS-PT ngày 14/9/2017 của Tòa án Tỉnh) khi các hụi viên góp hụi cho bà, bà không có mang tiền về cùng với ông Ph sử dụng trong sinh hoạt gia đình.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà P đồng ý trả cho ông U số tiền 320.815.000đ và đồng ý trả lãi cho ông U 1,66%/tháng tính từ ngày 11/3/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Bà P không đồng ý theo yêu cầu của ông U là phải buộc ông Lê Văn Ph là chồng liên đới cùng bà trả khoản tiền hụi này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ph trình bày: Việc bà P và ông U chơi hụi như thế nào thì ông không rõ, các phần nợ này không liên quan nên ông không đồng ý liên đới cùng bà P trả nợ.

Tại bản án số 74/2018/DSST ngày 16/10/2018 của Tòa án huyện C tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U;

Buộc bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền 420.402.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn Ph phải chịu 20.816.000đ (Hai mươi triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn U không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 25/10/2018 bà Nguyễn Ngọc P, ông Lê Văn Ph có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà P không đồng ý trả tiền lãi cho ông U, ông Ph không đồng ý liên đới cùng bà P trả tiền nợ hụi cho ông U.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Ngọc P, ông Lê Văn Ph vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà P, ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông U yêu cầu bà P, ông Ph liên đới trả cho ông số tiền hụi mà ông đã đóng cho bà P tổng cộng 320.815.000đ và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 24/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18,7 tháng với số tiền lãi là 99.587.000đ, tổng cộng 420.402.000đ. Bà P thừa nhận có tổ chức các dây hụi do bà làm đầu thảo như ông U trình bày, bà đồng ý trả cho ông U số tiền 320.815.000đ và đồng ý trả lãi cho ông U 1,66%/tháng tính từ ngày 11/3/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử bà P, ông Ph có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà P không đồng ý trả tiền lãi cho ông U ông Ph không đồng ý liên đới cùng bà P trả tiền nợ hụi cho ông U. Xét yêu cầu kháng cáo của bà P là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào văn bản ý kiến ngày 01/3/2017; biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bà đều thừa nhận còn nợ ông U số tiền nợ hụi 320.815.000đ và đồng ý trả lãi cho ông U với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 24/3/2017 đến khi kết thúc vụ kiện. Do đó, án sơ thẩm buộc bà trả lãi cho ông U là hoàn toàn phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ph cho rằng việc bà P tổ chức chơi hụi không phải trực tiếp trong nhà của ông, mà bà P tự tổ chức chơi hụi, góp hụi, đóng hụi ngoài chợ và số tiền bà thu nhập từ việc chơi hụi bà làm việc gì ông hoàn toàn không biết, nên ông không đồng ý liên đới cùng bà P trả số nợ cho ông U. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ph là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, việc bà P tổ chức chơi hụi

không trực tiếp tại nhà ông mà bà tổ chức ở ngoài chợ, việc giao dịch với các hội viên cũng ở ngoài chợ, tại phiên tòa ông U cũng thừa nhận là khi giao dịch chơi hội ông và bà P giao dịch ngoài chợ, không có lần nào có mặt ông Ph, việc bà tổ chức chơi hội ở ngoài chợ ông Ph không biết và bà cũng không có đem tiền về phục vụ cho kinh tế gia đình mà bà lấy tiền hội có từ việc chơi hội để làm ăn cho vay và trang trải qua các dây hội khác.

Tại phiên tòa ông Ph không thừa nhận có tham gia và ông cũng không biết bà P tổ chức chơi hội, bởi vì giữa ông và bà P trước đây sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Từ khi bà P làm ăn thua lỗ ông và bà P đã ly thân nhau mạnh ai người đó lo cuộc sống cho riêng mình, riêng ông cha mẹ có để lại mấy chục công vườn, ruộng ông đã tự sản xuất và tích lũy hàng năm để nuôi cha mẹ và các con ăn học hiện nay các con ông cũng đã trưởng thành đi làm và sinh sống riêng, việc án sơ thẩm buộc ông có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả cho ông U số tiền nợ hội 420.402.000đ, ông không thống nhất vì hiện nay ông với bà P không phải là vợ chồng và hiện tại hai người cũng đã sống độc lập nhau, mạnh ai người đó lo cuộc sống cho riêng mình. Xét việc kháng cáo của ông Ph là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ph, sửa một phần án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới trả nợ.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông U, buộc bà P, ông Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông U số tiền nợ hội 420.402.000đ là có căn cứ một phần, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ph, sửa một phần án sơ thẩm về trách nhiệm liên đới trả nợ đối với ông Ph.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà P, ông Ph không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu của ông U yêu cầu ông Ph có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Ph, nên ông U phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng do ông U là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho ông U.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà P, ông Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận bác kháng cáo của bà P, riêng kháng cáo của ông Ph là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc P.
2. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn Ph.
3. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 74/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về trách nhiệm liên đới trả nợ.
4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn U (U G) yêu cầu ông Lê Văn Ph có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà Nguyễn Ngọc P.
5. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn U (U G);

Buộc bà Nguyễn Ngọc P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền 420.402.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi cho số tiền còn phải thi hành bằng 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc P phải chịu 20.816.000đ (Hai mươi triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Ông Lê Văn Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn U không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Văn Ph không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0001054; 0001053 ngày 26/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

***Đã ký*****Trần Phước Hội**